

KẾ HOẠCH

**Thực hiện thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia
giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 trên địa bàn huyện Văn Quan**

Thực hiện Công văn số 996/SKHĐT-QLĐTC ngày 31/5/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đôn đốc xây dựng kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022. UBND huyện Văn Quan xây dựng Kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện với Nội dung hỗ trợ như sau:

A. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Nhằm tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 02/2022/QĐ-

TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2025; Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 08/9/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 47-NQ/TU ngày 09/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn về thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 58-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc và thực hiện Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Văn Quan giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Quan lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2021 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 92-KH/HU ngày 22/10/2021 của Huyện ủy Văn Quan về triển khai thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 08/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Văn Quan; Kế hoạch số 93-KH/HU ngày 22/10/2021 của Huyện ủy Văn Quan về triển khai thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TU ngày 09/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn về thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Văn Quan; Kế hoạch số 129-KH/HU ngày 15/2/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện triển khai Nghị quyết số 58-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc và thực hiện Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 huyện Văn Quan;

Căn cứ Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND huyện Văn Quan về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Văn Quan giai đoạn 2021 - 2025.

B. NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025

1. Mục tiêu thực hiện giai đoạn 2021 - 2025

a) Mục tiêu tổng quát

Khai thác tiềm năng, lợi thế của huyện Văn Quan trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng so với bình quân chung của cả tỉnh và cả nước; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của Nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về giảm nghèo: giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 5%/năm trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

- Về kết cấu hạ tầng: tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,7%; tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện phù hợp khác trên 99,8%; xóa tình trạng nhà tạm, nhà dột nát; duy trì 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 75% trở lên.

- Về giáo dục: số trường học đạt chuẩn quốc gia là 25 trường; nâng cao chất lượng giáo dục căn bản và toàn diện ở các cấp học; duy trì 16/16 xã đạt phổ cập giáo dục tiểu học; giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; tỷ lệ học sinh mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt trên 99,9%, học sinh tiểu học đến trường đạt trên 99,9%, học sinh trung học cơ sở đến trường đạt trên 99,9%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt trên 98%.

- Về y tế: tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; 100% số xã đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã; 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế; trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 20%.

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi qua đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu điều kiện của người dân tộc thiểu số đạt trên 61%.

- Giải quyết cơ bản vấn đề đất ở, đất sản xuất cho các hộ thiếu đất, ngăn chặn hiệu quả tình trạng suy thoái môi trường, rác thải sinh hoạt của người dân khu vực nông thôn được thu gom, xử lý theo đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Về công nghệ thông tin: xây dựng hệ thống thông tin về công tác dân tộc và các ứng dụng hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, tạo nền tảng phát triển kinh tế - xã hội từng bước gắn với triển khai xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Về văn hóa: bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Mỗi xã có từ 01 Câu lạc bộ văn nghệ trở lên hoạt động thường xuyên. Phần đầu có trên 60% thôn có Nhà Văn hóa đạt chuẩn, phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số của địa phương.

2. Các dự án thực hiện

2.1. Tổng nhu cầu vốn ngân sách Trung ương bố trí: 435.565 triệu đồng.
Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 251.153 triệu đồng;
- Vốn sự nghiệp: 184.412 triệu đồng.

2.2. Triển khai các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình như sau:

a) Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

*** Nội dung hỗ trợ:**

- *Nội dung số 02:* Hỗ trợ nhà ở

Dự kiến trong giai đoạn 2021 - 2025 hỗ trợ 773 hộ gia đình nghèo, cận nghèo trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng. Định mức tính theo xây dựng 01 căn nhà cấp 4 đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng). Kinh phí hỗ trợ 30.920 triệu đồng (bình quân 40 triệu đồng/hộ).

- *Nội dung số 03:* Hỗ trợ chuyển đổi nghề

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề: trong giai đoạn 2021 - 2025 hỗ trợ cho 200 hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên theo định mức của địa phương thì được hưởng hỗ trợ chuyển đổi nghề. Kinh phí dự kiến hỗ trợ 2.000 triệu đồng.

- *Nội dung số 04:* Hỗ trợ nước sinh hoạt

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: đầu tư xây dựng 15 công trình nước tập trung trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khó khăn về nguồn nước sinh hoạt. Kinh phí dự kiến 14.950 triệu đồng, tổng mức đầu tư chi tiết của từng dự án theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: số hộ được hỗ trợ 600 hộ, ưu tiên hỗ trợ để mua sắm trang bị hoặc xây dựng bể chứa nước phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình. Kinh phí dự kiến 1.800 triệu đồng (bình quân 03 triệu/hộ).

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 49.670 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 14.950 triệu đồng;
- Vốn sự nghiệp: 34.720 triệu đồng.

b) Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

*** Nội dung hỗ trợ:**

Thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho 97 hộ gia đình thực hiện dự án bố trí dân cư tại các xã Diêm He, Hữu Lễ, Khánh Khê, Liên Hội, thị trấn Văn Quan, Trấn Ninh, Tú Xuyên, Tràng Phái, Đồng Giáp. Kinh phí hỗ trợ 10.670 triệu đồng.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 10.670 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng;
- Vốn sự nghiệp: 10.670 triệu đồng.

c) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

- **Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân**

*** Nội dung hỗ trợ:**

- Dự án khoán bảo vệ rừng đối với rừng phòng hộ tại các xã Hữu Lễ, Tri Lễ, Lương Năng, Tú Xuyên, Hòa Bình, Bình Phúc, Yên Phúc, Tràng Phái, Diêm He, Trấn Ninh, Liên Hội, Đồng Giáp: 2.000ha x 0,4 triệu đồng x 04 năm = 3.200 triệu đồng;

- Dự án bảo vệ rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình tại các xã Hữu Lễ, Tri Lễ, Lương Năng, Tú Xuyên, Hòa Bình, Bình Phúc, Yên Phúc, Tràng Phái, Diêm He, Trấn Ninh, Liên Hội, Đồng Giáp: 4.000ha x 0,4 triệu đồng x 04 năm = 6.400 triệu đồng;

- Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất tại các xã Tri Lễ, Tú Xuyên, Lương Năng, Hòa Bình, Liên Hội: 150ha x 10 triệu đồng = 1.500 triệu đồng

- Dự án hỗ trợ trồng rừng phòng hộ tại các xã Tân Đoàn, Liên Hội, Tú Xuyên: 30ha x 30 triệu đồng = 900 triệu đồng.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 12.000 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng;

- Vốn sự nghiệp: 12.000 triệu đồng.

- Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

*** Nội dung hỗ trợ:**

- Dự án trồng cây dược liệu quý gồm 02 dự án (Dự án trồng cây Khôi Nhung, Dự án trồng cây Bầy lá một hoa, Sâm Đương quy), tại các xã Tân Đoàn, Tràng Phái, Tràng Các, An Sơn, Diêm He, Liên Hội. Kinh phí dự kiến 9.745 triệu đồng;

- Dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư: [Triển](#) khai tại 07 xã đặc biệt khó khăn và 10 thôn đặc biệt khó khăn của xã vùng II, với tổng kinh phí dự kiến thực hiện là 23.600 triệu đồng.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 33.345 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng;

- Vốn sự nghiệp: 33.345 triệu đồng.

d) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc (Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi).

*** Nội dung hỗ trợ đầu tư:**

- *Nội dung số 01:* đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

+ Lĩnh vực giao thông: trong giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện đầu tư 42 công trình giao thông liên xã, trục xã, liên thôn, các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh. Dự kiến nguồn vốn ngân sách [Trung](#) ương bố trí 149.976 triệu đồng.

+ Lĩnh vực thủy lợi: trong giai đoạn đầu tư 13 công trình thủy lợi tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn đảm bảo nước tưới thường xuyên cho khoảng trên 150ha đất nông nghiệp. Dự kiến kinh phí ngân sách Trung ương 24.018 triệu đồng.

+ Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: đầu tư cơ sở hạ tầng ngành giáo dục và đào tạo nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu dạy và học của các trường, đồng thời hoàn thiện cơ sở vật chất đáp ứng chuẩn Quốc gia mức độ 1, 2; tiêu chí nông thôn mới về giáo dục và đào tạo. Trong giai đoạn xây dựng, cải tạo, nâng cấp 09 công trình trường học, dự kiến kinh phí ngân sách Trung ương 34.909 triệu đồng.

+ Lĩnh vực văn hóa: đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới 45 Nhà Văn hóa thôn, bản và 03 sân thể thao xã với tổng kinh phí xây dựng là 15.300 triệu đồng.

+ Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước: Trong giai

đoạn thực hiện duy tu 49 công trình tại các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí dự kiến là 19.680 triệu đồng.

- *Nội dung số 02:* đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Cải tạo, nâng cấp 02 dự án chợ nông thôn tại 02 xã đặc biệt khó khăn là Lương Năng và Tri Lễ.

+ Dự kiến kinh phí thực hiện 12.000 triệu đồng.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 255.883 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 236.203 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp (duy tu): 19.680 triệu đồng.

e) Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

*** Nội dung hỗ trợ:** trong giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện hỗ trợ đầu tư 12 công trình đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc bán trú, có học sinh bán trú. Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên; nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất/khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác; đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 27.200 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng

- Vốn sự nghiệp: 27.200 triệu đồng.

f) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

*** Nội dung hỗ trợ:**

- Dự án điểm đến du lịch tiêu biểu cần hỗ trợ, đầu tư: 01 dự án, kinh phí 5.000 triệu đồng;

- Dự án Mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa Phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch cần hỗ trợ xây dựng: 01 dự án, kinh phí 4.000 triệu đồng.

- Dự án Số di tích Quốc gia đặc biệt, di tích Quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số cần hỗ trợ tu bổ, tôn tạo: 01 dự án, kinh phí 500 triệu đồng.

- Dự án Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể: 03 dự án, kinh phí 600 triệu đồng.

- Dự án Số lớp dự kiến tổ chức tập huấn truyền dạy câu lạc bộ: 06 lớp, kinh phí 600 triệu đồng.

- Dự án Số đội văn nghệ truyền thống cần được hỗ trợ, hoạt động: 15 đội, kinh phí 150 triệu đồng.

- Dự án Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 02 dự án, kinh phí 850 triệu đồng.

- Dự án Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 16 dự án, kinh phí 16.200 triệu đồng.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 27.900 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 27.900 triệu đồng.

g) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

*** Nội dung:**

Mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Y tế huyện Văn Quan: 01 dự án, kinh phí 12.000 triệu đồng.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 12.000 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng

- Vốn sự nghiệp: 12.000 triệu đồng.

h) Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

*** Nội dung:**

Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em. Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em. Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị. Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

Trong giai đoạn 2021 - 2025 tổ chức tuyên truyền cho các thôn, xã vùng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kinh phí dự kiến 1.740 triệu đồng.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 1.740 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 1.740 triệu đồng.

i) Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

*** Nội dung hỗ trợ:**

Công tác truyền thông: biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình. Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù và trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tổ chức các hội thi tìm hiểu về pháp luật về hôn nhân, về kết hôn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Trong giai đoạn 2021 - 2025 tổ chức tuyên truyền cho các xã, thị trấn với dự kiến kinh phí 816 triệu đồng.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 816 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 816 triệu đồng.

k) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

*** Nội dung hỗ trợ:**

- Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Kinh phí thực hiện 3.516 triệu đồng, thực hiện 02 nội dung:

+ Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín. Kinh phí thực hiện 2.700 triệu đồng.

+ Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số. Kinh phí thực hiện 816 triệu đồng.

- Tiểu dự án 2: ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Dự kiến kinh phí thực hiện: 425 triệu đồng.

- Tiểu dự án 3: kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình. Dự kiến kinh phí thực hiện 400 triệu đồng.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 4.341 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng

- Vốn sự nghiệp: 4.341 triệu đồng.

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Các cấp, các ngành tiếp tục nâng cao nhận thức, quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, xác định đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện theo phân cấp quản lý, đồng thời tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về công tác dân tộc. Phối hợp triển khai tốt việc thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; thực hiện Chương trình có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả và bền vững, tập trung cho các xã, thôn khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất. Đảm bảo công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ, sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số. Sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, hiệu quả; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến, giáo dục pháp luật ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để làm thay đổi nhận thức, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, phát huy tốt tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.

3.2. Lồng ghép các cơ chế chính sách nhằm tích hợp, tập trung nguồn lực đầu tư bảo đảm thực chất, hiệu quả. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, khai thác tiềm năng lợi thế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

3.3. Quan tâm chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao trình độ dân trí; phổ cập tiểu học, giáo dục trung học cơ sở; quan tâm đầu tư nâng cấp, mở rộng ở các trường dân tộc nội trú đạt chuẩn quốc gia; đảm bảo công tác đào tạo cử tuyển, dự bị đại học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ. Đẩy mạnh nâng cao chất lượng, hiệu quả của chương trình dạy nghề, giải quyết việc làm; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

3.4. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; quan tâm đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh; tạo điều kiện tối đa để người dân ở vùng đặc biệt khó khăn được tiếp cận với các dịch vụ y tế tại địa phương.

3.5. Chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp, kêu gọi sự đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức lồng ghép các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình chính sách trên địa bàn để triển khai thực hiện đầu tư có hiệu quả. Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy tinh thần tự lực, tự chủ của người dân, nỗ lực phấn đấu trong lao động, sản xuất để vươn lên thoát nghèo bền vững, tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị hệ thống di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào dân tộc

thiểu số gắn với phát triển du lịch. Đầu tư, xây dựng gắn với việc khai thác, sử dụng hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, cơ sở hạ tầng du lịch trên địa bàn huyện. Tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò của các nghệ nhân, chủ thể văn hóa, người có uy tín nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, xây dựng cộng đồng trách nhiệm của các tầng lớp Nhân dân tự nguyện tham gia vào hoạt động bảo lưu, trao truyền, phát huy giá trị hệ thống di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc gắn với phát triển kinh tế, xã hội, du lịch, dịch vụ trên địa bàn.

3.6. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao kiến thức pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số và phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo gây mất an ninh, trật tự, phấn đấu giảm thiểu tình trạng tội phạm, tệ nạn xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát triển phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, xây dựng ngày càng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân. Thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số về chủ quyền lãnh thổ quốc gia, bảo vệ tổ quốc.

3.7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; biểu dương khen thưởng và nhân rộng những mô hình mới, cách làm hiệu quả.

II. CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Mục tiêu thực hiện giai đoạn 2021 - 2025

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nông thôn mới đồng bộ với xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn và hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, kết nối nông thôn với đô thị. Khuyến khích phát triển kinh tế hộ, kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã, phát triển sản xuất nông nghiệp kết hợp với công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân. Từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và mức thụ hưởng về y tế, văn hóa, xã hội của người dân nông thôn; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp; xã hội nông thôn đoàn kết, dân chủ; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội ổn định.

b) Mục tiêu cụ thể

- Toàn huyện có 10/16 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 62,5%, bình quân mỗi năm có thêm 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Bình quân mỗi xã trên địa bàn huyện đạt từ 15 tiêu chí trở lên, không có xã dưới 10 tiêu chí; xây dựng và công nhận: 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu, 3 khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 75%; có 26 trường học các cấp học đạt chuẩn quốc gia; có trên 60% thôn có Nhà Văn hóa đạt chuẩn, trên 80% xã có Nhà Văn hóa và sân tập thể thao đơn đạt chuẩn; tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã là 100%; tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên từ các nguồn đạt 99,8%; 85% số xã đạt tiêu chí về hạ tầng cơ sở thương mại nông thôn; 100% số xã đạt tiêu chí thủy lợi; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- 100% xã duy trì các điểm phục vụ bưu chính và trạm phát sóng BTS; 94% trở lên xã được phủ sóng thông tin di động 4G; 100% xã được lắp đặt hệ thống đài truyền thanh.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng 1,3 lần so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 5%/năm trở lên (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025); nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 63%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%.

- Thành lập mới được 08 hợp tác xã, duy trì hoạt động 20 tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có thêm ít nhất 08 sản phẩm đạt từ 03 sao trở lên.

2. Nội dung thực hiện

2.1. Tổng nhu cầu vốn ngân sách Trung ương bố trí: 128.250 triệu đồng.
Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 106.690 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 21.560 triệu đồng.

2.2. Triển khai các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình như sau:

a) Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá.

* **Nội dung thực hiện:** rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn. Từng bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng (sau quy hoạch chung xây dựng xã) nhằm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan ở khu vực nông thôn..

- Quy hoạch chung: trong giai đoạn từ năm 2022 - 2025 tiếp tục thực hiện quy hoạch chung cho 07 xã, với dự kiến kinh phí 1.750 triệu đồng.

- Quy hoạch chi tiết: theo lộ trình từng bước xây dựng quy hoạch chi tiết cho 10 xã trong giai đoạn đến năm 2025, số kinh phí dự kiến 2.500 triệu đồng.

* **Dự kiến kinh phí thực hiện: 4.250 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 4.250 triệu đồng.

b) Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.

*** Nội dung thực hiện:**

- Nội dung 01: tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện. Trong giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện đầu tư 05 dự án giao thông, với kinh phí ngân sách Trung ương bố trí 9.929 triệu đồng.

- Nội dung 02: hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện đầu tư 07 công trình thủy lợi, với kinh phí ngân sách Trung ương bố trí 11.814 triệu đồng.

- Nội dung 04: tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh các công trình cấp xã, cấp huyện đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong giai đoạn thực hiện đầu tư 12 công trình trường học, kinh phí ngân sách Trung ương bố trí 56.294 triệu đồng.

- Nội dung 05: xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn. Thực hiện đầu tư 04 công trình Nhà Văn hóa đạt chuẩn theo quy định, kinh phí ngân sách Trung ương bố trí 16.653 triệu đồng.

- Nội dung 08: tiếp tục xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các Trạm Y tế xã, Trung tâm Y tế huyện. Đầu tư xây dựng 03 Trạm Y tế xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 108.990 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 106.690 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 0 triệu đồng.

c) Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.

*** Nội dung thực hiện:**

Thực hiện 24 mô hình, dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tại 09 xã. Nhu cầu kinh phí đầu tư từ nguồn ngân sách Trung ương bố trí 17.310 triệu đồng.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 17.310 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 17.310 triệu đồng.

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quyết tâm chính trị của các cấp ủy đảng, chính quyền trong tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, liên tục của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, các ngành, cơ quan, đơn vị. Tiếp tục đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình theo hướng chuyển nhiệm vụ trực tiếp và các nội dung cụ thể của chương trình cho cấp cơ sở và cộng đồng dân cư thực hiện nhằm phát huy nội lực, vai trò chủ động, sáng tạo của người dân và cộng đồng dân cư trong thực hiện phong trào xây dựng nông thôn mới.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu, lấy kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới là một trong các tiêu chí để kiểm điểm, đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của tập thể, người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, các ngành, cơ quan, đơn vị hằng năm.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đảng, chính quyền, phát huy hiệu quả vai trò Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội trong công tác giám sát, phản biện xã hội đối với công tác xây dựng nông thôn mới. Quan tâm, làm tốt công tác sơ, tổng kết, đánh giá, khen thưởng, vinh danh các tập thể, cá nhân tiêu biểu, điển hình trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn để nhân rộng.

3.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới

Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới; tiếp tục đổi mới và đa dạng hóa công tác tuyên truyền, vận động theo hướng thiết thực, cụ thể, lấy đổi mới tư duy, nếp sống, nâng cao vai trò chủ thể của người dân làm mục tiêu, nhằm khơi dậy tiềm năng, lợi thế của địa phương trong thực hiện xây dựng nông thôn mới.

Tuyên truyền để người dân nhận thức được việc xây dựng nông thôn mới người dân là chủ thể thực hiện và cũng là người trực tiếp hưởng lợi, Nhà nước chỉ đóng vai trò định hướng và hỗ trợ; chú trọng tuyên truyền để người dân nhận biết được các tiêu chí thuộc trách nhiệm của cộng đồng, hộ dân thực hiện, để chủ động có kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện (các tiêu chí không cần kinh phí hoặc cần ít kinh phí thuộc về ý thức, tập quán sinh hoạt của người dân).

Phát động và triển khai sâu rộng phong trào thi đua “Văn Quan cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”, cuộc vận động

“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào thi đua yêu nước khác trong phạm vi toàn huyện.

3.3. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, tạo kết nối nông thôn - đô thị phát triển hài hòa

Tiếp tục xây dựng, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới, phù hợp với quy hoạch, trọng tâm là đầu tư hạ tầng giao thông để kết nối nông thôn với đô thị, hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng, phát triển hệ thống điện, chợ nông thôn, xây dựng hạ tầng thông tin, truyền thông hướng tới chuyển đổi số và xây dựng nông thôn mới thông minh đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập. Quan tâm lồng ghép các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng y tế, giáo dục, thiết chế văn hóa, thể thao bảo đảm phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân nông thôn; thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới liên vùng, liên xã đảm bảo tính khả thi, trong đó quan tâm bổ sung quy hoạch khu xử lý rác tập trung tại các xã, liên xã.

Có chính sách đột phá, ưu tiên nguồn lực hỗ trợ hoàn thiện kết cấu hạ tầng trên địa bàn những xã đặc biệt khó khăn đồng thời chú trọng quan tâm đầu tư cho các công trình cấp thôn nhằm cải thiện trực tiếp điều kiện sinh hoạt và sản xuất của người dân, từng bước hoàn thiện các tiêu chí xã nông thôn mới, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. Tăng cường thực hiện việc giao công trình phù hợp cho người dân và cộng đồng dân cư trực tiếp thi công, vừa phát huy dân chủ và khai thác, phát huy tối đa nội lực của cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới.

3.4. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân gắn với giải quyết các vấn đề văn hóa, xã hội, môi trường, giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cư dân nông thôn.

Đẩy mạnh triển khai Chương trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng giá trị gia tăng, phát triển nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái gắn với thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế số nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Phát triển liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị để xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc thù của huyện.

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, các cơ chế hỗ trợ tạo sinh kế cho hộ nông dân, hộ nghèo, tập trung nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội để giảm nghèo ở các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn công tác đào tạo nghề với tạo việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động khu vực nông thôn. Tiếp tục nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp, chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân nông thôn; xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tinh thần của người dân; quan tâm giữ gìn, bảo tồn và phát huy sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc, xây dựng thôn đoàn kết, dân chủ và giàu bản sắc văn hóa.

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường nông thôn, tập trung khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải tạo cảnh quan, môi trường; chú trọng xây dựng nhân rộng mô

hình thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, mô hình khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu. Mô hình “5 không - 3 sạch - 3 an toàn”; mô hình du lịch nông thôn, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Quan tâm thực hiện tốt quy hoạch nghĩa trang Nhân dân trên địa bàn các xã, hướng tới chấm dứt việc mai táng không đúng khu vực quy hoạch gây ảnh hưởng đến mỹ quan và môi trường nông thôn.

3.5. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Không ngừng củng cố, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền, sự tham gia của Mặt trận tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, nhất là vai trò hạt nhân của các tổ chức cơ sở đảng; cải cách hành chính, cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi trong quản lý, điều hành; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng về xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; từng bước đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ xã đạt chuẩn theo quy định, quan tâm công tác luân chuyển, điều động cán bộ có trình độ, năng lực, kinh nghiệm tăng cường cho các xã khó khăn trong xây dựng nông thôn mới. Tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng nông thôn mới theo phương châm: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; nâng cao hiệu quả của việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện tốt việc xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc, bảo đảm ổn định để phát triển kinh tế - xã hội. Chủ động nắm tình hình, làm tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự nhằm đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn. Xây dựng lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành tốt các chỉ tiêu quốc phòng, an ninh hằng năm.

3.6. Huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Tập trung huy động tối đa các nguồn lực và thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn của các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn và các nguồn vốn khác để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đa dạng hóa các nguồn vốn huy động, thực hiện xã hội hóa các nguồn lực, thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp, nguồn lực trong Nhân dân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đáp ứng nhu cầu phát triển. Quan tâm cân đối, bổ sung nguồn lực ngân sách địa phương để hỗ trợ thực hiện chương trình.

Tiếp tục rà soát, xây dựng, hoàn chỉnh bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện tối đa cho người dân và các tổ chức kinh tế vay vốn tín dụng đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Chú trọng phát huy nội lực của cộng đồng dân cư, vận động Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp chung sức, đồng lòng cùng với Nhà nước thực hiện chương

trình xây dựng nông thôn mới hiệu quả; tăng cường mở rộng các hoạt động quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế, kết nối, mở rộng hợp tác kinh tế để thu hút các nguồn lực thực hiện xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện phân công nhiệm vụ đối với các cấp, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn huyện để giúp đỡ, vào cuộc của cả hệ thống chính trị, huy động tối đa nguồn lực toàn xã hội tham gia xây dựng nông thôn mới.

III. CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Mục tiêu thực hiện giai đoạn 2021 - 2025

a) Mục tiêu tổng quát

Thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tối đa tái nghèo và phát sinh nghèo; tạo điều kiện tốt nhất để người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các nguồn lực và các dịch vụ xã hội cơ bản để phát triển sản xuất, tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống của người dân, đặc biệt là ở các địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn; tạo sự chuyển biến tích cực, toàn diện hơn nữa trong công tác giảm nghèo để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giảm nghèo mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra.

Tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho hộ nghèo, đặc biệt là những xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho hộ nghèo và thoát nghèo bền vững; góp phần thu hẹp sự chênh lệch về thu nhập và mức sống giữa các vùng, các nhóm dân cư. Giải quyết cơ bản về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn theo tiêu chí nông thôn mới; trước hết là hạ tầng thiết yếu, như: giao thông, điện, nước sinh hoạt, giảm nghèo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở phù hợp quy hoạch dân cư và quy hoạch sản xuất, đảm bảo phục vụ có hiệu quả đời sống và phát triển sản xuất của người dân.

Các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn cơ bản có các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống cho Nhân dân. Tổ chức quản lý, sử dụng có hiệu quả đất sản xuất và đất rừng đã giao khoán quản lý, bảo vệ rừng cho các hộ dân.

b) Mục tiêu cụ thể

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 5%/năm trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021- 2025.

- Phần đầu hoàn thành mục tiêu 100% hộ gia đình người có công với cách mạng thoát nghèo, có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân khu vực nơi cư trú.

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trong độ tuổi lao động có nhu cầu được đào tạo nghề và giới thiệu việc làm.

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế và được hỗ trợ chăm sóc tại các cơ sở y tế.

- Phần đầu 100% trẻ em thuộc hộ nghèo từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi được đi học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi; 95% hộ nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi từ 16 đến 30 tuổi được tham gia các khóa đào tạo hoặc được cấp chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng.

- Có 100% trẻ học mầm non, học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo được hưởng chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- 85% hộ nghèo sống trong ngôi nhà thuộc loại bền chắc (trong ba kết cấu chính là tường, cột, mái thì có ít nhất hai kết cấu được làm bằng vật liệu bền chắc) và có diện tích nhà ở bình quân đầu người từ 8m² trở lên.

- 99% trở lên hộ nghèo được tiếp cận nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh; phần đầu 50% hộ nghèo trở lên sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- 98% trở lên hộ nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông và 100% hộ nghèo có phương tiện, tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

- Phần đầu đến năm 2030 thoát được huyện nghèo và cơ bản không còn xã đặc biệt khó khăn.

- Giải quyết cho 5.000 lượt hộ nghèo được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Có khoảng 5.000 lượt người nghèo được tiếp cận công tác khuyến nông - lâm - ngư - công, chuyển giao kỹ thuật và hướng dẫn cách làm ăn;

- Có 1.000 lượt cán bộ làm công tác lao động - thương binh và xã hội và cán bộ làm công tác giảm nghèo ở huyện, xã được tập huấn nâng cao năng lực, trong đó cần tập trung chủ yếu là cán bộ ở cơ sở.

2. Nội dung thực hiện

2.1. Tổng nhu cầu vốn ngân sách Trung ương bố trí: 298.392 triệu đồng.
Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 218.223 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 80.369 triệu đồng.

2.2. Triển khai các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình như sau:

a) Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo).

* **Nội dung hỗ trợ:** đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Công trình đầu tư phải phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh,

đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, dân tộc thiểu số, phụ nữ. Cụ thể:

- Các công trình giao thông, cầu phục vụ dân sinh, sản xuất: trong giai đoạn thực hiện đầu tư 16 công trình giao thông quan trọng, thiết yếu; tổng nhu cầu kinh phí từ ngân sách Trung ương bố trí 135.467 triệu đồng.

- Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia: thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới 12 công trình trường học nhằm đảm bảo đạt chuẩn Quốc gia theo quy định. Nhu cầu kinh phí từ ngân sách Trung ương bố trí 62.256 triệu đồng.

- Các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia: xây dựng 01 công trình Trạm Y tế xã nhằm đảm bảo đạt chuẩn bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã. Kinh phí bố trí 3.000 triệu đồng.

- Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất: xây dựng 02 công trình thủy lợi với diện tích tưới trên 47ha đất sản xuất nông nghiệp của Nhân dân. Nhu cầu kinh phí từ ngân sách Trung ương 8.000 triệu đồng.

- Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao: xây dựng 02 Nhà Văn hóa xã. Nhu cầu kinh phí 9.500 triệu đồng.

- Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các huyện nghèo: tạm tính 10% tổng vốn đầu tư phát triển, tương đương 22.022 triệu đồng.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 240.405 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 218.223 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 21.822 triệu đồng.

b) Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

*** Nội dung hỗ trợ**

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất.

- Xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

- Mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 19.428 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 19.428 triệu đồng.

c) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp)

*** Nội dung hỗ trợ:**

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định.

- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.
- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 8.390 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 8.390 triệu đồng.

d) Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn)

*** Nội dung hỗ trợ:**

- Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện nghèo.

- Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách Nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo.

- Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo.

- Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo.

- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 4.558 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 4.558 triệu đồng.

e) Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

*** Nội dung hỗ trợ:** xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 21.580 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 21.580 triệu đồng.

f) Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều)

*** Nội dung:**

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.
- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.
- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.
- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.
- + Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở.
- + Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 1.502 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 1.502 triệu đồng.

g) Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

*** Nội dung:**

- Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

- Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá

+ Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện.

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất.

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp.

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

*** Dự kiến kinh phí thực hiện: 2.888 triệu đồng.** Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 2.888 triệu đồng.

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác giảm nghèo

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác giảm nghèo. Các cấp ủy, chính quyền tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác giảm nghèo bền vững. Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 phải cụ thể, bám sát thực tế; cấp ủy, chính

quyền từ huyện đến xã cần tập trung quán triệt ý nghĩa, nội dung của công tác giảm nghèo giai đoạn 2021 - 2025 đến mọi tầng lớp Nhân dân trên địa bàn.

Đưa nội dung giảm nghèo bền vững vào mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, 5 năm của địa phương phù hợp với tình hình thực tế; kết hợp chặt chẽ giữa thực hiện các mục tiêu giảm nghèo với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới... lấy mức độ hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo hằng năm là một trong các chỉ tiêu để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị.

3.2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm đối với công tác giảm nghèo

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động; đổi mới phương pháp, cách thức, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác giảm nghèo. Tuyên truyền, vận động hộ nghèo phát huy tinh thần tự lực, ý chí, khát vọng vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước; thực hiện công khai, minh bạch trong công tác bình xét hộ nghèo theo đúng thực tế. Phát huy vai trò của các cơ quan thông tin, trang thông tin điện tử; vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số để tuyên truyền, vận động thực hiện công tác giảm nghèo bền vững. Tiếp tục vận động các chi họ, dòng họ giúp đỡ chính những người trong dòng tộc vươn lên thoát nghèo; phân công các chi bộ đảng, các tổ chức hội, đoàn thể cử đảng viên, cán bộ, hội viên ưu tú sản xuất, kinh doanh giỏi giúp đỡ từng hộ nghèo vươn lên tự thoát nghèo.

Tổ chức quán triệt nghiêm túc các nội dung đề ra tại Quyết định số 1705/QĐ-TTg, Nghị quyết số 160/NQ-CP, Nghị quyết số 47-NQ/TU, Kế hoạch số 33/KH-UBND, Kế hoạch số 93-KH/HU và triển khai thực hiện sâu rộng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo hằng năm và giai đoạn phù hợp, hiệu quả gắn với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện tình hình thực tế.

Triển khai sâu rộng và nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Văn Quan cùng chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả Quỹ “Vì người nghèo” các cấp, tạo nguồn lực góp phần thực hiện chương trình giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới. Tuyên truyền phổ biến rộng rãi các mô hình kinh tế hiệu quả trong công tác giảm nghèo bền vững; kịp thời biểu dương, khen thưởng, nhân rộng những tập thể, cá nhân điển hình, gương mẫu trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

3.3. Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất; đa dạng hóa các hình thức tạo sinh kế cho người nghèo, tạo điều kiện cho

người nghèo được tiếp cận các chính sách, nguồn lực, thị trường, khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của địa phương... tạo chuyển biến nhanh hơn về thu nhập và đời sống cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng nông thôn; triển khai đầy đủ, hiệu quả các dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025; thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm; tạo việc làm cho người nghèo nhất là gắn với trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng; phát triển mô hình kinh tế trang trại theo hướng sản xuất liên kết, trong đó ưu tiên sử dụng lao động thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo; phát huy hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách; gắn các hoạt động cho vay với các dự án sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế, việc làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

Tăng cường thực hiện các chính sách hỗ trợ có điều kiện, bảo trợ xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động, chính sách trợ giúp pháp lý. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của các hộ nghèo, hộ cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình, dự án giảm nghèo, phát triển sản xuất, kinh doanh phù hợp nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập cho người nghèo, nhất là ở vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ các mô hình giảm nghèo gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cho người nghèo, hộ nghèo, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Gắn đào tạo nghề với giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; hoàn thiện cơ sở vật chất hệ thống trường, lớp học và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên; nâng cao kết quả phổ cập các cấp học; duy trì và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, tạo thuận lợi, tăng tỷ lệ huy động con em các dân tộc thiểu số được học tập, nâng cao trình độ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của hệ thống y tế; thực hiện chăm sóc sức khỏe toàn dân, tăng cơ hội tiếp cận cho người nghèo. Hỗ trợ mức đóng thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo đa chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, hộ cận nghèo theo quy định; thực hiện đồng bộ các giải pháp để thực hiện mục tiêu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân.

Huy động nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo, ưu tiên hộ nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn; thực hiện Chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường. Phát triển hệ thống truyền thanh, truyền hình, dịch vụ viễn thông để bảo đảm quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của Nhân dân, nhất là người nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn. Giải quyết cơ bản đất ở, đất sản xuất, giao rừng, cho thuê rừng và quyền sử dụng đất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

3.4. Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo

Tăng cường huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo. Lồng ghép, tích hợp có hiệu quả nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nhất là chương trình giải quyết việc làm; ưu tiên nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc

gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để giảm nghèo nhanh và bền vững.

Tiếp tục huy động, vận động mọi nguồn lực đầu tư, phát huy có hiệu quả các chính sách hỗ trợ để thực hiện các chương trình, dự án gắn với giảm nghèo bền vững tại các thôn đặc biệt khó khăn nhằm cải thiện điều kiện sống, bảo đảm vệ sinh môi trường nông thôn và hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới; tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tạo thuận lợi, tăng cơ hội cho người dân vươn lên thoát nghèo.

Triển khai, thực hiện có hiệu quả các nguồn vốn, cơ chế, chính sách của Trung ương, của Tỉnh về giảm nghèo. Thực hiện tốt công tác xã hội hoá, huy động nguồn lực trong dân, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân triển khai các chương trình, dự án giảm nghèo trên địa bàn huyện; hỗ trợ người nghèo về y tế, giáo dục, kiến thức làm ăn; huy động trợ giúp xã hội đối với các hộ nghèo không có khả năng lao động.

3.5. Nâng cao năng lực, hiệu quả bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo

Đổi mới phương pháp quản lý, điều hành; nâng cao chất lượng công tác tham mưu, hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước về giảm nghèo các cấp; tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện công tác giảm nghèo; thành lập Ban Chỉ đạo chung thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Củng cố đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo các cấp đảm bảo thống nhất, đủ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp công tác giảm nghèo. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo, tăng cường cung cấp thông tin, giúp người nghèo kết nối với thị trường lao động, thị trường hàng hoá...

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm đảm bảo khách quan, chính xác, đúng thực trạng, làm rõ nguyên nhân dẫn đến nghèo của từng hộ, nhóm hộ để có giải pháp hỗ trợ phù hợp và hiệu quả phân loại hộ nghèo cụ thể theo các nhóm tiêu chí, từ đó đề ra các biện pháp thích hợp để giảm nghèo; tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, tích cực phòng chống các tệ nạn xã hội, giúp nhau xóa đói giảm nghèo; xây dựng và thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo có địa chỉ.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ cơ sở. Huy động có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân để góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao mức sống Nhân dân vùng đặc biệt khó khăn. Tăng cường rà soát, quản lý các nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo với mục tiêu sử dụng nguồn lực hiệu quả, không để lãng phí, thất thoát; xử lý nghiêm hành vi sai phạm của các tổ chức, cá nhân trong sử dụng các nguồn lực, chính sách thực hiện công tác giảm nghèo.

(Có các Biểu chi tiết Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch thực hiện các Chương trình MTQG huyện Văn Quan giai đoạn 2022 - 2025 và năm 2022. UBND huyện báo cáo các Sở, ngành, đơn vị chủ trì thực hiện các Chương trình MTQG của tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Dân tộc; (B/c)
- TT Huyện ủy; TT HĐND Huyện (B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện;
- Các phòng: TC-KH; NN&PTNT; LĐ,TB,XH-DT của huyện;
- CVP, các PCVP HĐND&UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Lương Mai Tú